

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 128/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 57/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

Căn cứ Thông báo số 380/TB-UBND ngày 16/5/2026 của UBND tỉnh về kết luận phiên họp của Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua nội dung về kinh tế - xã hội thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định phân công, phân cấp các cơ quan, đơn vị chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về bình ổn giá; lập, thẩm định, trình phương án giá, định giá; kê khai giá; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá trên địa bàn tỉnh.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý tại địa phương được quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15, gồm:

a) Khung giá: Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Giá tối đa:

b1. Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý.

b2. Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý.

b3. Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô.

b4. Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu).

b5. Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng.

c) Giá cụ thể theo khung giá của Bộ Tài chính (do hai cấp định giá): Nước sạch.

d) Giá cụ thể:

d1. Dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hoá, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hoá lỏng cho sản xuất điện.

d2. Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt mà đơn vị cung ứng dịch vụ thực hiện từ hai (02) địa bàn cấp xã trở lên.

d3. Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương.

d4. Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương.

d5. Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

d6. Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ.

d7. Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d8. Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước).

d9. Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d10. Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

d11. Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao và cụm công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

đ) Khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ: Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ.

2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã định giá theo thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý tại địa phương được quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 140/2025/QH15, gồm:

a) Sở Y tế định giá cụ thể (trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an):

a1. Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).

a2. Dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).

a3. Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn.

a4. Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).

b) Ủy ban nhân dân cấp xã định giá cụ thể:

b1. Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh

doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt mà đơn vị cung ứng dịch vụ chỉ thực hiện trên một (01) địa bàn cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b2. Dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá).”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh cung ứng hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm lập phương án giá theo quy định tại khoản 1, 2, 4, 5 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP; gửi cơ quan, đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 7 Quyết định này.”

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c, g khoản 1 như sau:

“c) Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu).

g) Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt mà đơn vị cung ứng dịch vụ thực hiện từ hai (02) địa bàn cấp xã trở lên.

b) Sửa đổi tiêu đề và sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Sở Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định phương án giá đối với giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực y tế - dân số; bảo trợ xã hội, trẻ em và phòng chống tệ nạn xã hội trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Phân công cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế thực hiện việc thẩm định phương án giá:

b1. Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).

b2. Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).

b3. Giá cụ thể máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b4. Giá cụ thể dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu).”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể dịch vụ vận chuyển khí thiên nhiên bằng đường ống và dịch vụ tồn trữ, tái hoá, vận chuyển và phân phối khí thiên nhiên hóa lỏng cho sản xuất điện.

b) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực công thương trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

c) Giá cụ thể dịch vụ sử dụng hạ tầng trong cụm công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 10 như sau:

“10. Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, thẩm định phương án giá đối với:

a) Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) thuộc lĩnh vực kinh tế và dịch vụ khác trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương.

b) Giá cụ thể dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.”

đ) Bổ sung khoản 12 vào sau khoản 11 như sau:

“12. Ủy ban nhân dân cấp xã phân công cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với:

a) Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt mà đơn vị cung ứng dịch vụ chỉ thực hiện trên một (01) địa bàn cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

b) Giá cụ thể dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá).”

e) Bổ sung khoản 13 vào sau khoản 12 như sau:

“Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá quy định tại Điều này có trách nhiệm thẩm định phương án giá theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Nghị định số 128/2026/NĐ-CP.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“1. Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 7 Quyết định này tham mưu, trình cơ quan có thẩm quyền định giá theo quy định tại Điều 5 Quyết định này xem xét, ban hành văn bản định giá.

Đối với hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Quyết định này, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá, gửi một (01) bản chính hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP cho Bộ Tài chính định khung giá (đối với nước sạch).

Sau khi có văn bản định khung giá, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cơ quan, đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực (Sở Xây dựng hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường) có trách nhiệm rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá để tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá cụ thể. Văn bản định giá sau khi được ban hành được gửi để thông báo đến Bộ Tài chính.

2. Cơ quan có thẩm quyền định giá; cơ quan, đơn vị được phân cấp định giá theo quy định tại Điều 5 Quyết định này ban hành văn bản định giá hoặc điều chỉnh mức giá dưới dạng quyết định hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật số 16/2023/QH15, khoản 5 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.”

6. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá, giá tối đa để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 5 Quyết định này.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 như sau:

“c) Vật liệu xây dựng chủ yếu khác gồm cát xây; cát tô; đất san lấp; đá xây dựng (đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá cấp phối, đá mi)”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b, c, d khoản 1 Điều 10 như sau:

“b) Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 3; tiết b2, b4 điểm b khoản 1 Điều 5; điểm h khoản 3 Điều 9 Quyết định này;

c) Sở Xây dựng tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại tiết b1, b3 điểm b khoản 1 Điều 5; điểm b, c, l, m khoản 3 và điểm b, c khoản 4 Điều 9 Quyết định này;

d) Sở Tư pháp tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại tiết b5 điểm b khoản 1 Điều 5 Quyết định này;”

8. Thay thế cụm từ như sau:

Thay thế cụm từ “Kiểm tra chuyên ngành về giá” tại Mục 6, Điều 14, Điều 15 bằng cụm từ “Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá”.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐB QH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP + CV VPUBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, T4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh